

Mã chương: 622

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi



Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVĐT

Mã DVQHNS: 1127990

Mã cấp NS: 3

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TÀI KHOẢN NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	075	6001	00000	0	0	544.668.792	544.668.792	544.668.792	544.668.792
Phụ cấp chức vụ	13	075	6101	00000	0	0	14.080.500	14.080.500	14.080.500	14.080.500
Phụ cấp thu hút	13	075	6103	00000	0	0	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	075	6107	00000	0	0	894.000	894.000	894.000	894.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	075	6112	00000	0	0	160.849.374	160.849.374	160.849.374	160.849.374
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	075	6113	00000	0	0	2.011.500	2.011.500	2.011.500	2.011.500
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	075	6115	00000	0	0	80.655.786	80.655.786	80.655.786	80.655.786
Bảo hiểm xã hội	13	075	6301	00000	0	0	79.220.339	79.220.339	79.220.339	79.220.339
Bảo hiểm y tế	13	075	6302	00000	0	0	13.420.630	13.420.630	13.420.630	13.420.630
Kinh phí công đoàn	13	075	6303	00000	0	0	9.680.913	9.680.913	9.680.913	9.680.913
Bảo hiểm thất nghiệp	13	075	6304	00000	0	0	4.526.877	4.526.877	4.526.877	4.526.877
Chi khác	13	075	6449	00000	0	0	64.800.000	64.800.000	64.800.000	64.800.000
Tiền điện	13	075	6501	00000	0	0	15.121.797	15.121.797	15.121.797	15.121.797
Tiền nước	13	075	6502	00000	0	0	687.700	687.700	687.700	687.700
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax	13	075	6601	00000	0	0	137.357	137.357	137.357	137.357
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cáp truyền hình; cước phí	13	075	6605	00000	0	0	740.300	740.300	740.300	740.300

Internet; thuê đường truyền mạng											
Khoản điện thoại	13	075	6618	00000	0	0	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
Phụ cấp công tác phí	13	075	6702	00000	0	0	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000
Khoản công tác phí	13	075	6704	00000	0	0	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
Thuê lao động trong nước	13	075	6757	00000	0	0	1.965.600	1.965.600	1.965.600	1.965.600	1.965.600
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	075	7053	00000	0	0	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
Lương theo ngạch, bậc	14	075	6001	00000	0	0	79.397.946	79.397.946	79.397.946	79.397.946	79.397.946
Phụ cấp chức vụ	14	075	6101	00000	0	0	1.953.000	1.953.000	1.953.000	1.953.000	1.953.000
Phụ cấp năng nhọc, độc hại, nguy hiểm	14	075	6107	00000	0	0	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	075	6112	00000	0	0	22.402.584	22.402.584	22.402.584	22.402.584	22.402.584
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	075	6113	00000	0	0	279.000	279.000	279.000	279.000	279.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	075	6115	00000	0	0	11.283.101	11.283.101	11.283.101	11.283.101	11.283.101
Bảo hiểm xã hội	14	075	6301	00000	0	0	15.800.501	15.800.501	15.800.501	15.800.501	15.800.501
Bảo hiểm y tế	14	075	6302	00000	0	0	2.708.657	2.708.657	2.708.657	2.708.657	2.708.657
Kinh phí công đoàn	14	075	6303	00000	0	0	1.805.772	1.805.772	1.805.772	1.805.772	1.805.772
Bảo hiểm thất nghiệp	14	075	6304	00000	0	0	902.886	902.886	902.886	902.886	902.886
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	12	075	7012	00000	0	0	64.330.000	64.330.000	64.330.000	64.330.000	64.330.000
Cộng:											
Phần KBNN ghi:											

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Phương

Người ký: Van Ngo Thi Bich 03
Ngày ký: 02/04/2024 16:43:56
Chức danh: Phó trưởng Phòng
Đơn vị: KINH CỬ CHỈ - TỈNH CỬA MÌNH

Van Ngo Thi Bich 03

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: NGUYỄN THỊ THUY VI

Ngày ký: 01/04/2024 13:48:19
Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện CA ĐAM VI, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện CA CHỈ

NGUYỄN THỊ THUY VI NGUYỄN THỊ NGỌC LAM